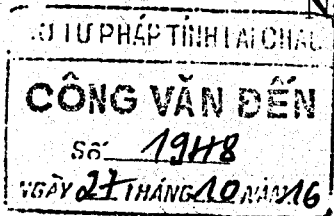


NGHỊ QUYẾT

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giai đoạn 2016 - 2020



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 1944/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 374/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Nghị quyết nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giai đoạn 2016 - 2020, nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Nghị quyết này được thực hiện đối với người lao động đang làm việc trong các lĩnh vực, ngành, nghề chuyên môn; cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong hệ thống chính trị và các đối tượng khác có liên quan đến phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng lực lượng lao động có sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, tác phong làm việc khoa học, công nghiệp, có trình độ, kỹ năng, kỹ thuật ngày càng cao. Chú trọng xây dựng, đào tạo, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ.

b) Mục tiêu chủ yếu đến năm 2020

- Lao động khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 69,5%; Công nghiệp - xây dựng: 11,6%; Dịch vụ: 18,9%.

- Mỗi năm đào tạo nghề: trên 6.000 lao động, tạo việc làm mới: trên 7.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo: trên 50% (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: trên 37%). Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị: dưới 2,7%, tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn: dưới 10%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo theo ngành: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 53,2%; Công nghiệp - Xây dựng: 7,85%; Dịch vụ: 38,95%.

- Tỷ lệ lao động tốt nghiệp tiểu học: trên 23%; tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung học cơ sở: trên 20%, trung học phổ thông: trên 18%.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp: trên 98% (trong đó trẻ 5 tuổi đạt: trên 99%); huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: trên 99%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6: trên 98%; huy động: trên 67% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 cả hai hệ.

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia: 38,4%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: trên 98%, tốt nghiệp THPT: trên 97%, tốt nghiệp bổ túc THPT trên 90%; hàng năm có trên 15% số học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hai hệ vào học nghề.

- Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng: trên 80%, (trong đó đại học: trên 30%, tính theo tỷ lệ số học sinh trúng tuyển trên số học sinh dự thi).

- Cán bộ, công chức, viên chức (tỉnh, huyện) đạt tiêu chuẩn quy định 100%, trong đó: Cán bộ, công chức có trình độ từ đại học trở lên: trên 88%, viên chức có trình độ đại học trở lên: trên 46%. Cán bộ, công chức (tỉnh, huyện) có trình độ trung cấp lý luận chính trị: 36,32%, cao cấp: 34,75%; viên chức có trình độ trung cấp lý luận chính trị: 12,69%, cao cấp: 1,69%.

- Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ học vấn từ THCS trở lên 100% (trong đó: 70% có trình độ học vấn THPT); 90% có trình độ từ trung cấp trở lên (33,4% có trình độ từ đại học trở lên); trình độ trung cấp lý luận chính trị: 51%, cao cấp: 3 - 4%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: dưới 20%; tuổi thọ trung bình: 67 tuổi; tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: trên 30%.

- Nguồn nhân lực dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi: dưới 26%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi nhẹ cân: dưới 21,1%, thấp còi: dưới 30%; có ít nhất 25% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 75% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non; huy động trẻ em trong độ tuổi được đến trường ở các cấp, bậc học: 95%; số sinh viên người dân tộc thiểu số đạt 300 sinh viên/vạn dân, đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số: 0,4% trong tổng số lao động người dân tộc thiểu số; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 50% lao động xã hội.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Đổi mới quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền và thực hiện tốt

công tác dự báo nguồn nhân lực; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân trong triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về phát triển nguồn nhân lực. Các cấp chính quyền quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, đề án, kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động ở mỗi cấp, mỗi ngành, cán bộ, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc về công tác tổ chức, cán bộ. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý của UBND các cấp, các sở, ban, ngành trong việc theo dõi, dự báo, xây dựng kế hoạch để phát triển nguồn nhân lực.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục, củng cố và phát triển quy mô giáo dục ở các cấp học, bậc học và giáo dục nghề nghiệp, định hướng nghề một cách cân đối, hợp lý.

- Tập trung thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khắc phục tình trạng chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng, địa phương; thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tăng cường các hoạt động xã hội cho học sinh nhằm xây dựng trình độ học vấn phổ thông cơ bản, vững chắc, tạo nền tảng để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng, đạt chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, coi trọng phẩm chất đạo đức của nhà giáo; tập trung đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học phù hợp với từng đối tượng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng giáo dục.

- Củng cố, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học phù hợp với điều kiện phát triển và điều kiện địa lý của từng địa phương. Phát triển và mở rộng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú ở các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn. Ưu tiên đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông có học sinh bán trú, trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn, trường chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động nguồn lực đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo; kiên cố hoá trường, lớp học, gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý giáo dục, đào tạo, tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục - đào tạo.

c) Đầu tư nâng cấp, mở rộng quy mô đào tạo đối với các trường chuyên nghiệp và cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; tập trung nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Quy hoạch, củng cố, sắp xếp hợp lý các trường chuyên nghiệp, các cơ sở dạy nghề của tỉnh, từng bước mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đối với các Trường: Cao đẳng Cộng đồng, Trung cấp Y tế, Trung cấp nghề...

- Nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo của các trường chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề; tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy nghề, mở rộng quy mô, đa dạng hình thức, chú trọng chất lượng đào tạo những ngành nghề phù hợp với sự phát triển của địa phương và thị trường lao động. Làm tốt công tác xã hội hoá, khuyến khích đầu tư đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường.

- Đào tạo và phát triển lực lượng lao động có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong làm việc công nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động; năng động, sáng tạo trong công việc; khả năng làm việc theo nhóm và thích nghi với môi trường, điều kiện làm việc. Chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động, từng bước hình thành đội ngũ công nhân kỹ thuật cao, lao động lành nghề phù hợp với cơ cấu lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm và tái cơ cấu sản xuất, phù hợp chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe nguồn nhân lực, giáo dục thể chất và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

- Phát triển toàn diện mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo cho người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu về y tế, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, đẩy lùi các bệnh truyền nhiễm; tăng cường công tác phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe học đường cho học sinh, bảo đảm có sức khỏe tốt khi trưởng thành và nâng cao tuổi thọ của người dân.

- Nâng cao chất công tác lượng khám, chữa bệnh, chất lượng cung ứng thuốc, vật tư y tế, bảo đảm trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân; triển khai có hiệu quả đề án về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- Tập trung xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, tăng cường giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục, thể thao trong trường học; phát triển và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; chú trọng đào tạo và phát triển thể thao thành tích cao. Mở rộng, phát triển các câu lạc bộ, trung tâm thể dục, thể thao.

- Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế; xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hoá nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân.

d) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách.

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài gắn với đào tạo con em dân tộc thiểu số, đặc biệt trong các ngành Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hoá, Nông nghiệp, Công nghệ, Khoa học; thu hút và tạo môi trường làm việc tốt cho những người có trình độ, chuyên môn, kỹ thuật cao để hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công việc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thi đỗ vào các trường, đại học; học sinh hệ cử tuyển. Thực hiện tốt chính sách phát triển giáo dục đối với con em các dân tộc đặc biệt khó khăn, dân tộc ít người (Si La, Công, Mảng, La Hủ).

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chính sách hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động vùng dân tộc thiểu số.

- Đổi mới đồng bộ các khâu tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ; gắn đào tạo với thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tâm huyết, trách nhiệm, gương mẫu và có năng lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc ít người.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đề án tinh giản biên chế gắn với cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Tập trung xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể để nâng cao chất lượng công tác của cán bộ, công chức, viên chức.

- Có kế hoạch hỗ trợ đào tạo đội ngũ doanh nhân về kiến thức pháp luật, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, khả năng tiếp cận thị trường...

- Xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động và dịch vụ về đào tạo, tìm kiếm, giới thiệu việc làm. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động từ khâu tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm trong tỉnh, trong nước và ngoài nước cho người lao động.

- Thực hiện tốt các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm xã hội và các chế độ, chính sách đối với người lao động.

e) Mở rộng, tăng cường hợp tác; huy động nguồn lực.

- Chủ động phối hợp, liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài để tiếp tục hình thành, mở rộng quy mô các trường chuyên nghiệp. Tăng

cường xây dựng mối quan hệ giao lưu, trao đổi, hợp tác với các tỉnh trong khu vực và cả nước về đào tạo, sử dụng nhân lực. Khuyến khích liên doanh, liên kết đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao.

- Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở đào tạo, dạy nghề; đẩy mạnh công tác xã hội hóa lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề; tăng cường lồng ghép mục tiêu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với các chương trình, dự án.

g) Sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực.

- Chú trọng đổi mới và nâng cao công tác tuyển dụng lao động nhằm lựa chọn những người có trình độ năng lực, phẩm chất tốt đáp ứng yêu cầu, phát huy và nâng cao hiệu quả công việc, giảm chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

- Tiếp tục rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy trong các cơ quan, đơn vị. Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm sát với thực tế năng lực công tác; kiên quyết xử lý cán bộ, công chức, viên chức năng lực chuyên môn hạn chế, không đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm bổ sung trang thiết bị; không ngừng cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích người lao động làm việc sáng tạo, hiệu quả cao.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, vị trí việc làm; tăng cường kỷ luật lao động; thực hiện chính sách tiền lương, chế độ thi đua, khen thưởng kịp thời; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công việc, tay nghề của người lao động.

- Quan tâm bố trí, sắp xếp việc làm phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn đào tạo của học sinh, sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp về tỉnh công tác; quan tâm giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số đã qua đào tạo nghề.

h) Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện kế hoạch và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khắc phục hạn chế, yếu kém, phòng ngừa vi phạm.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; nhân rộng những mô hình, cách làm hay trong thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm động viên, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong triển khai, thực hiện.

4. Kinh phí và nguồn kinh phí

a) Kinh phí: 332.388 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực: 170.888 triệu đồng

- Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo: 161.500 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí

- Ngân sách Trung ương: 90.500 triệu đồng
- Ngân sách địa phương 165.888 triệu đồng
- Các nguồn khác: 76.000 triệu đồng

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

